

Số: 266 /KH - CĐTKV

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2020

## KẾ HOẠCH

### Sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn các cấp trực thuộc Công đoàn TKV

Thực hiện kế hoạch số 56/KH-TLĐ ngày 23/7/2020 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, Công đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam xây dựng kế hoạch sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn các cấp thuộc Công đoàn TKV như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Hội nghị giữa nhiệm Công đoàn các cấp thuộc Công đoàn TKV có nhiệm vụ đánh giá tình hình phong trào CNVCLĐ, kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu mà Nghị quyết đại hội đã đề ra (từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2020); chỉ rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm để xây dựng, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, nhiệm vụ và các chỉ tiêu phấn đấu của nhiệm kỳ đã được Đại hội thông qua. Cần nêu bật những chủ trương, mô hình mới; cách làm sáng tạo để thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD, mang lại lợi ích cho người lao động, tạo được sự lan tỏa tích cực trong các cấp công đoàn để tiếp tục phát huy nhân rộng.

2. Thông qua Hội nghị giữa nhiệm kỳ, thực hiện kiện toàn, bổ sung Ban Chấp hành (nếu có); tiếp tục đề ra các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chấp hành, chất lượng đội ngũ cán bộ; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả công tác của tổ chức công đoàn.

3. Việc tổ chức sơ kết đảm bảo thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm, tránh hình thức; trên cơ sở tổ chức sơ kết các cấp công đoàn trực thuộc để đánh giá, làm rõ kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn TKV lần thứ V, gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam.

#### II. NỘI DUNG.

##### 1. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội.

*1.1. Nâng cao hiệu quả đại diện, chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên, người lao động, vì việc làm bền vững, đời sống ngày càng cao.*

- Tập trung các nguồn lực, nâng cao năng lực đại diện bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho người lao động, cán bộ công đoàn; tích cực, chủ động tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ;

- Phát triển đa dạng, hiệu quả các hoạt động chăm lo lợi ích cho đoàn viên công đoàn. Đổi mới cơ chế hoạt động, các chính sách an sinh xã hội cho đoàn viên và NLĐ.

### ***1.2. Phát huy phong trào thi đua, tham gia quản lý.***

- Đổi mới hoạt động thi đua, khen thưởng, xây dựng điển hình tiên tiến; đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ;

- Phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, tham gia quản lý góp phần hoàn thành kế hoạch SXKD của đơn vị, nâng cao đời sống cho NLĐ.

### ***1.3. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao giác ngộ giai cấp, bản lĩnh chính trị, tinh thần yêu nước, hiểu biết pháp luật, trách nhiệm cao, tay nghề giỏi, góp phần xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh.***

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động cho người lao động;

- Chủ động thông tin về tổ chức và hoạt động công đoàn, chú trọng công tác định hướng thông tin trên Internet và mạng xã hội;

- Tham gia xây dựng môi trường văn hóa tích cực trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; đời sống tinh thần lành mạnh cho người lao động;

- Chủ động tham mưu với cấp ủy, chuyên môn đồng cấp về những vấn đề mới, diễn biến mới trong phong trào công nhân, viên chức, lao động và tổ chức công đoàn.

### ***1.4. Hoàn thiện mô hình tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động, xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh; Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.***

- Đổi mới phương pháp, hình thức thu hút, tập hợp người lao động tham gia tổ chức Công đoàn; nâng cao chất lượng đoàn viên và hiệu quả công tác quản lý đoàn viên;

- Sắp xếp hoàn thiện mô hình tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của công đoàn các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ công đoàn, nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh;

- Đẩy mạnh các hoạt động tham gia xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị trong sạch, vững mạnh.

### ***1.5. Thực hiện công tác nữ công và phong trào Nữ CNVCLĐ ở các cấp công đoàn.***

- Nâng cao chất lượng hoạt động công tác nữ công và tổ chức tốt các phong trào nữ CNVCLĐ; Trọng tâm là đảm bảo quyền và việc làm bền vững của lao động nữ;

- Triển khai các phong trào thi đua xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh

phúc. Thực hiện chăm lo cho nữ CNLĐ, con CNLĐ có hoàn cảnh khó khăn.

**1.6. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát công đoàn.**  
*Kiến toàn ủy ban kiểm tra công đoàn các cấp, từng bước nâng cao chất lượng cán bộ làm công tác kiểm tra, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.*

**1.7. Tăng cường công tác quản lý thu, chi tài chính, quản lý tài sản công đoàn theo hướng chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, thực hiện phân phối công bằng, hiệu quả; xây dựng nguồn lực đủ mạnh để đáp ứng nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn trong tình hình mới.**

## **2. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện.**

- Đổi mới phương thức chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo hướng lấy người lao động làm trung tâm; hoạt động chủ yếu ở cơ sở; công đoàn cấp trên phục vụ công đoàn cấp dưới;

- Phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính; phát huy dân chủ, tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

## **3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của nhiệm kỳ.**

- Mức độ hoàn thành các chỉ tiêu so với Nghị quyết đại hội đề ra, có điều chỉnh cho phù hợp với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội V Công đoàn TKV và Đại hội XII Công đoàn Việt Nam, theo phân bổ hằng năm; tập trung phân tích chất lượng, mức độ hợp lý của từng chỉ tiêu để đề xuất điều chỉnh (nếu có).

## **4. Tồn tại, hạn chế.**

Đánh giá những khó khăn, hạn chế, yếu kém, nguyên nhân (khách quan, chủ quan) trên từng lĩnh vực hoạt động và bài học kinh nghiệm trong triển khai thực hiện Nghị quyết đại hội đã đề ra và Nghị quyết đại hội Công đoàn cấp trên.

## **5. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới.**

- Dự báo tình hình kinh tế - xã hội, tình hình công nhân, lao động thời gian tới. Nghiên cứu vận dụng Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, những yêu cầu mới đặt ra để bổ sung nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của các cấp công đoàn trong nửa nhiệm kỳ còn lại.

## **6. Đề xuất, kiến nghị.**

- Những đề xuất, kiến nghị của cán bộ, đoàn viên công đoàn, CNVCLĐ và các cấp công đoàn đối với Đảng, Nhà nước, Tổng Liên đoàn.

# **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.**

## **1. Công đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam.**

**1.1. Ban Tổ chức:** Tham mưu xây dựng ban hành kế hoạch và Đề cương báo cáo sơ kết (tháng 8/2020); theo dõi, đôn đốc các Công đoàn trực thuộc tổ chức triển khai đúng kế hoạch.

**1.2. Văn phòng:** Chủ trì, phối hợp với các Ban tổng hợp kết quả của các đơn vị, xây dựng báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ trình Ban Chấp hành Công đoàn TKV; Gửi báo cáo về Tổng Liên đoàn trước ngày **01/3/2021** và kèm theo các hồ sơ, gồm:

- Các văn bản triển khai Kế hoạch số 03/KH-TLĐ ngày 11/01/2019 thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam;

- Các văn bản cụ thể hóa các khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam: (i) chương trình số 2494/CTr-TLĐ ngày 19/12/2018 về nâng cao hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ cho NLĐ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ, giai đoạn 2018-2023; (ii) chương trình số 1734/CTr-TLĐ ngày 14/11/2019 về nâng cao phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên và NLĐ giai đoạn 2019-2023; (iii) chương trình số 1306/CTr-TLĐ ngày 15/8/2019 về Công đoàn Việt Nam đồng hành cùng Chính phủ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển bền vững đất nước giai đoạn 2019-2023; (iv) chương trình số 740/CTr-TLĐ ngày 22/7/2020 xây dựng nguồn lực tài chính đủ mạnh đáp ứng nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn trong tình hình mới;

- Báo cáo tổng hợp số liệu hoạt động công đoàn giai đoạn 2018 – 2020 (theo mẫu biểu).

**1.3. Các Ban:** Phối hợp cùng Ban Tổ chức, Văn phòng báo cáo số liệu; triển khai thực hiện kế hoạch số 03/KH-TLĐ ngày 11/01/2019 của TLĐ; triển khai các chương trình cụ thể hóa các khâu đột phá của Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam (nêu trên).

## **2. Công đoàn cấp trên cơ/Công đoàn cơ sở trực thuộc.**

- Xây dựng báo cáo, tổng hợp số liệu hoạt động công đoàn từ đầu nhiệm kỳ đến hết năm 2020 (theo mẫu gửi kèm) và tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ tại Hội nghị Ban Chấp hành Công đoàn cùng cấp hoặc hội nghị tổng kết năm (không tổ chức Hội nghị sơ kết riêng).

- Thời gian thực hiện: xong trước ngày 10/01/2021, gửi báo cáo về Công đoàn TKV (qua Văn phòng) trước ngày **15/01/2021**.

Trên đây là một số nội dung chuẩn bị cho việc sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII. Yêu cầu Công đoàn các đơn vị trực thuộc nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện./.

### **Nơi nhận:**

- Tổng Liên đoàn (B/c);
- Thường trực CĐTKV (ecopy);
- CĐ các đơn vị trực thuộc (t/h);
- Các Ban CĐTKV (t/h);
- Lưu: VP, ToC.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Thanh Xuân**



**CÔNG ĐOÀN THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG ĐOÀN .....**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN**  
**GIẢI ĐOẠN TỪ ĐẦU NHIỆM KỲ ĐẾN NĂM 2020**

| TT        | Nội dung                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                   |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tình hình CNVCLĐ</b>                                                     |             |          |                                           |
| 1         | Tổng số CNVCLĐ, trong đó:                                                   | người       |          | Số liệu tính tại thời điểm báo cáo        |
|           | - Tổng số đoàn viên công đoàn                                               | “           |          |                                           |
|           | - Tổng số đoàn viên nữ                                                      | “           |          |                                           |
| 2         | Tổng số đảng viên, trong đó:                                                | người       |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
|           | - Đảng viên nữ                                                              | “           |          |                                           |
| 3         | Tổng số lao động tăng trong kỳ, trong đó:                                   | người       |          |                                           |
|           | - LĐ tuyển mới                                                              | “           |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
|           | - LĐ điều chuyển từ đơn vị khác, tuyển dụng lại                             | “           |          |                                           |
| 4         | Tổng số lao động giảm trong kỳ, trong đó:                                   | người       |          |                                           |
|           | - Nghỉ hưu theo chế độ Nhà nước                                             | “           |          |                                           |
|           | - Nghỉ hưu trước tuổi do sắp xếp DN, TCC                                    | “           |          |                                           |
|           | - Xin chấm dứt HĐLĐ                                                         | “           |          |                                           |
|           | - Đơn phương chấm dứt HĐLĐ                                                  | “           |          |                                           |
|           | - Được điều chuyển đi đơn vị khác                                           | “           |          |                                           |
| 5         | Tổng số người mắc bệnh nghề nghiệp, trong đó:                               | người       |          | Số liệu tính tại thời điểm báo cáo        |
|           | - Số người đã được cấp sổ BNN                                               | “           |          |                                           |
| 6         | Tổng số ATVSV                                                               | người       |          |                                           |
| <b>II</b> | <b>Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ</b> |             |          |                                           |
| 1         | Số lần tổ chức đối thoại định kỳ                                            | lần         |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
|           | Số lượt người tham gia đối thoại                                            | lượt người  |          |                                           |
| 2         | Số lần tổ chức đối thoại đột xuất                                           | lần         |          |                                           |
|           | Số lượt người tham gia đối thoại                                            | lượt người  |          |                                           |
| 3         | Số người được tư vấn pháp luật                                              | lượt người  |          |                                           |
| 4         | Giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị       |             |          |                                           |
|           | - Số cuộc CĐ chủ trì giám sát                                               | cuộc        |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
|           | - Số cuộc CĐ tham gia giám sát                                              | “           |          |                                           |
|           | - Số cuộc hội nghị phản biện                                                | “           |          |                                           |
| 5         | Số tiền vận động CNVCLĐ đóng góp các quỹ                                    | triệu đồng  |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
| 6         | Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được                   | lượt người  |          |                                           |

| TT                                 | Nội dung                                                                                                                                                    | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú                                   |
|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------------------------------------|
|                                    | hỗ trợ, thăm hỏi.                                                                                                                                           |             |          | 2020                                      |
| 7                                  | Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi, trong đó:                                                                                                                         | triệu đồng  |          |                                           |
|                                    | - Nguồn chuyên môn chi                                                                                                                                      | “           |          |                                           |
|                                    | - Nguồn Quỹ phúc lợi, Quỹ do CNLĐ đóng góp                                                                                                                  | “           |          |                                           |
|                                    | - Nguồn Công đoàn chi                                                                                                                                       | “           |          |                                           |
| 8                                  | Số tiền vận động CNVCLĐ đóng góp quỹ MÃCD                                                                                                                   | triệu đồng  |          |                                           |
|                                    | Số nhà được xây mới và sửa chữa từ quỹ MÃCD                                                                                                                 | nhà         |          |                                           |
|                                    | Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà                                                                                                                        | triệu đồng  |          |                                           |
| 9                                  | Số đoàn viên, người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”                                                         | lượt người  |          |                                           |
|                                    | Số tiền hưởng lợi                                                                                                                                           | triệu đồng  |          |                                           |
| III Công tác thi đua khen thưởng   |                                                                                                                                                             |             |          |                                           |
| 1                                  | Số sáng kiến được công nhận                                                                                                                                 | sáng kiến   |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
|                                    | Giá trị làm lợi                                                                                                                                             | triệu đồng  |          |                                           |
|                                    | Tiền thưởng sáng kiến                                                                                                                                       | “           |          |                                           |
| 2                                  | Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận                                                                                                              | CT, SP      |          |                                           |
|                                    | Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận                                                                                          | triệu đồng  |          |                                           |
| 3                                  | Số người đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”                                                                                                             | người       |          |                                           |
| IV Công tác tuyên truyền, giáo dục |                                                                                                                                                             |             |          |                                           |
| 1                                  | Số đoàn viên, người lao động được học tập, tuyên truyền, phổ biến các Chỉ thị, NQ của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nghị quyết của Công đoàn | lượt người  |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
| 2                                  | Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức                                              | “           |          |                                           |
| 3                                  | Số đoàn viên và người lao động được học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp                                                                          | “           |          |                                           |
| V Công tác nữ công                 |                                                                                                                                                             |             |          |                                           |
| 1                                  | Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”                                                                                 | người       |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
| 2                                  | Số cán bộ nữ được đề bạt từ Phó trưởng phòng trở lên                                                                                                        |             |          |                                           |
| 3                                  | Khen thưởng các cháu HS giỏi là con CNVCLĐ                                                                                                                  | lượt cháu   |          |                                           |
|                                    | Số tiền chi cho khen thưởng HS giỏi                                                                                                                         | triệu đồng  |          |                                           |
| VI Công tác kiểm tra               |                                                                                                                                                             |             |          |                                           |
| 1                                  | Số cuộc kiểm tra của UBKT, trong đó:                                                                                                                        | cuộc        |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
|                                    | - Kiểm tra thi hành Điều lệ                                                                                                                                 | “           |          |                                           |
|                                    | - Kiểm tra tài chính cùng cấp và cấp dưới                                                                                                                   | “           |          |                                           |

| TT                          | Nội dung                                                                      | Đơn vị tính    | Số lượng | Ghi chú                                   |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------|-------------------------------------------|
|                             | - Kiểm tra dấu hiệu vi phạm                                                   | “              |          |                                           |
| 2                           | Số cuộc giám sát của UBKT                                                     | cuộc           |          |                                           |
| 3                           | Số cuộc giám sát của BCH, BTV                                                 | cuộc           |          |                                           |
| 4                           | Số cán bộ CD bị tổ chức CD kỷ luật                                            | người          |          |                                           |
| 5                           | Số đơn thư khiếu nại, tố cáo, trong đó:                                       | đơn            |          |                                           |
|                             | - Tại đơn vị đã giải quyết                                                    | “              |          |                                           |
|                             | - Số đơn thư, khiếu nại, tố cáo chưa giải quyết                               | “              |          |                                           |
| <b>VII Công tác tổ chức</b> |                                                                               |                |          |                                           |
| 1                           | Tổng số CĐCS, CĐCS thành viên trực thuộc                                      | đơn vị         |          | Số liệu tính tại thời điểm báo cáo        |
|                             | Tổng số CĐBP trực thuộc                                                       | “              |          |                                           |
| 2                           | Tổng số cán bộ CD (từ Tổ phó CD trở lên)                                      | người          |          |                                           |
| 3                           | Số cán bộ CD được đào tạo, bồi dưỡng                                          | lượt người     |          |                                           |
| 4                           | Số đoàn viên công đoàn được CĐCS giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp | người          |          | Số liệu tính từ đầu nhiệm kỳ đến năm 2020 |
|                             | Số đoàn viên công đoàn được kết nạp vào Đảng                                  |                |          |                                           |
| 5                           | Kết quả xếp loại CĐCS, CĐCS thành viên hằng năm                               |                |          |                                           |
|                             | - Năm 2018 (đạt từ VM trở lên)                                                | đơn vị/tỷ lệ % |          |                                           |
|                             | - Năm 2019 (đạt từ HTT NV trở lên)                                            | “              |          |                                           |
| 6                           | Kết quả xếp loại CĐBP hằng năm                                                |                |          |                                           |
|                             | - Năm 2018 (đạt từ VM trở lên)                                                | đơn vị/tỷ lệ % |          |                                           |
|                             | - Năm 2019 (đạt từ HTT NV trở lên)                                            | “              |          |                                           |

Ngày      tháng      năm 2020

**TM. BAN THƯỜNG VỤ**



## ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội  
Công đoàn các cấp thuộc Công đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam**

### PHẦN THỨ NHẤT

#### Kết quả giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết đại hội

#### I. BỐI CẢNH HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN VÀ TÌNH HÌNH CNVCLĐ.

##### 1. Bối cảnh hoạt động công đoàn.

- Nêu rõ những thuận lợi, khó khăn cơ bản của đơn vị, ngành và của đất nước có ảnh hưởng, tác động trực tiếp đến công nhân, viên chức, lao động và hoạt động công đoàn.

- Sự phát triển của doanh nghiệp, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, có tác động ảnh hưởng đến hoạt động, tổ chức Công đoàn.

##### 2. Tình hình công nhân, viên chức, lao động.

- Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ công nhân, viên chức, lao động.

- Tình hình việc làm, tiền lương, nhà ở và đời sống của người lao động.

- Tình hình thực hiện pháp luật lao động; quan hệ lao động, an toàn, vệ sinh lao động.

- Tình hình tư tưởng, tâm trạng của công nhân, viên chức, lao động.

*(Lưu ý giai đoạn từ đầu nhiệm kỳ đến hết 31/12/2020).*

#### II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

##### 1. Nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của đoàn viên và người lao động.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng tham gia xây dựng chính sách, pháp luật liên quan đến người lao động và tổ chức Công đoàn.

- Nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết và thực hiện thỏa ước lao động tập thể tại đơn vị.

- Kết quả tổ chức triển khai hội nghị người lao động và đối thoại tại nơi làm việc theo quy định.

- Tập trung nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động tư vấn pháp luật công đoàn; Tích cực, chủ động tham gia xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp. Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và nhu cầu, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động. Chú trọng tham gia giải quyết ngay từ đầu các vướng mắc, bức xúc ở cơ sở, góp phần ngăn ngừa và giảm thiểu các vụ tranh chấp lao động.

- Đẩy mạnh công tác tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát, phản biện xã hội nhất là những chủ trương, chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động. Tham gia xây dựng văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

## **2. Chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên và người lao động.**

- Đẩy mạnh Chương trình phúc lợi đoàn viên công đoàn, triển khai có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác, chủ động tìm kiếm đối tác mới với các sản phẩm dịch vụ mới, tổ chức đàm phán, ký kết mang lại nhiều lợi ích tốt hơn cho đoàn viên công đoàn.

- Tập trung cải thiện các nhu cầu đời sống thiết yếu của công nhân, viên chức, lao động như: các chế độ ăn, ở, đi lại, tắm giặt ... cho NLĐ; khảo sát, dự báo tình hình tác động đến việc làm của người lao động.

- Hoàn thiện, nâng cao hiệu quả các mô hình chăm lo lợi ích thiết thực cho đoàn viên công đoàn: “Tết thợ mỏ”, Chương trình “Mái ấm Công đoàn”, các chương trình thăm hỏi, tặng quà gia đình công nhân có hoàn cảnh khó khăn ...

## **3. Đổi mới công tác tuyên truyền, vận động; nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức pháp luật, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, trình độ, kỹ năng nghề nghiệp của đoàn viên và người lao động.**

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, về tổ chức Công đoàn Việt Nam; tuyên truyền vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp để thích ứng với điều kiện lao động trong bối cảnh của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Việc tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Công tác truyền thông về tổ chức Công đoàn, việc sử dụng các ứng dụng tích cực của internet, mạng xã hội trong truyền tải thông tin và chia sẻ với CNVCLĐ. Hoạt động nắm bắt dư luận xã hội trong các cấp công đoàn; xây dựng lực lượng nòng cốt đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch về tổ chức Công đoàn.

- Đánh giá kết quả tổ chức hoạt động “Tháng Công nhân”, “Tháng công đoàn tham gia quản lý” hàng năm, sự phát triển, đổi mới, kết quả đạt được và hiệu quả mang lại.

- Hoạt động của đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên tại cơ sở.

## **4. Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.**

- Công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở (những đổi mới về phương pháp, hình thức, thu hút tập hợp người lao động); việc vận hành, khai thác, sử dụng phần mềm quản lý đoàn viên.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng tổ chức công đoàn từ tổ công đoàn đến công đoàn cơ sở. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 03/NQ-BCH ngày 11/01/2019 về công tác cán bộ công đoàn trong tình hình mới.

- Việc sắp xếp, hoàn thiện mô hình, tổ chức, bộ máy phù hợp với mô hình tổ chức chuyên môn theo mô hình mẫu của Tập đoàn.

- Công tác tham gia xây dựng đảng, xây dựng đơn vị; kết quả bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng xem xét, kết nạp.

#### **5. Phát huy hiệu quả các phong trào thi đua, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.**

- Kết quả triển khai Nghị quyết số 07/NQ-BCH ngày 15/01/2020 về đổi mới công tác thi đua, khen thưởng trong CNVCLĐ và hoạt động công đoàn.

- Kết quả tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong đoàn viên, người lao động, trọng tâm là các phong trào “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo” cụ thể, sát hợp với từng đối tượng: “Năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn” trong khu vực sản xuất kinh doanh; Đăng ký, đảm nhận các công trình trọng điểm của đơn vị.

- Công tác biểu dương, tôn vinh, khen thưởng, phát hiện nhân rộng điển hình tiên tiến, mô hình hoạt động hiệu quả (lưu ý số lượng, tỷ lệ khen thưởng đối với lao động trực tiếp).

#### **6. Nâng cao chất lượng công tác nữ công, góp phần chăm lo, xây dựng đội ngũ nữ công nhân lao động trong tình hình mới.**

- Kết quả tham gia, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quyền, chế độ chính sách đối lao động nữ; tham mưu giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc của lao động nữ, hỗ trợ lao động nữ có môi trường làm việc an toàn, bình đẳng.

- Hoạt động xây dựng gia đình CNVCLĐ no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, chăm sóc sức khỏe sinh sản cho lao động nữ. Hoạt động xã hội góp phần hỗ trợ nữ đoàn viên và lao động nữ chăm sóc, giáo dục con cái.

- Hoạt động của công tác nữ công; việc giới thiệu cán bộ, đoàn viên, lao động nữ ưu tú, tiêu biểu cho các cấp ủy Đảng, chuyên môn, tổ chức công đoàn để đào tạo, bồi dưỡng trở thành cán bộ lãnh đạo.

- Công tác phối hợp với Ban vì sự tiến bộ phụ nữ cùng cấp thúc đẩy bình đẳng giới và sự tiến bộ phụ nữ.

#### **7. Công tác kiểm tra và hoạt động của Ủy ban kiểm tra.**

- Đánh giá khái quát hoạt động của ủy ban kiểm tra công đoàn theo chức năng, nhiệm vụ.

## **8. Công tác quản lý tài chính công đoàn.**

- Công tác thu, chi, quản lý, sử dụng tài chính công đoàn.
- Kết quả triển khai thu kinh phí công đoàn tại qua một tài khoản tập trung của tổ chức Công đoàn.
- Việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tài chính công đoàn.

## **9. Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện.**

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hóa Nghị quyết đại hội đề ra.
- Tập trung giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của CNVCLĐ.
- Mỗi quan hệ phối hợp với cơ quan chuyên môn và các đoàn thể khác.
- Chế độ thông tin, báo cáo, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và hoạt động công đoàn.

## **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH CỤ THỂ HÓA CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ CỦA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM.**

(Đối với cấp Công đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam)

### **1. Đánh giá kết quả thực hiện và tác động đối với tổ chức và hoạt động công đoàn của các chương trình.**

- Chương trình số 2494/CTr-TLĐ ngày 19/12/2018 về nâng cao hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ cho người lao động, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, giai đoạn 2018 - 2023.

- Chương trình số 1734/CTr-TLĐ ngày 14/11/2019 về nâng cao phúc lợi, lợi ích cho đoàn viên và người lao động giai đoạn 2019 - 2023.

- Chương trình số 1306/CTr-TLĐ ngày 15/8/2019 về Công đoàn Việt Nam đồng hành cùng Chính phủ nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và phát triển bền vững đất nước giai đoạn 2019 - 2023.

*Tập trung làm nổi bật những cách làm hay, mới, đem lại hiệu quả, tác dụng thực tế tại đơn vị.*

### **2. Đánh giá công tác quán triệt, chỉ đạo tổ chức thực hiện chương trình.**

(Chương trình số 740/CTr-TLĐ ngày 22/7/2020 xây dựng nguồn lực tài chính đủ mạnh đáp ứng nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn trong tình hình mới).

## **IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU**

- Thống kê kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết đại hội (Biểu mẫu kèm theo, số liệu trong phụ lục được tính đến năm 2020).

- Kết quả gắn với nội dung Chương trình hành động số 121/CTr-CĐTKV ngày 29/3/2019 thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Công đoàn Việt Nam và Đại hội Công đoàn TKV lần thứ V, nhiệm kỳ 2018 – 2023.

## **V. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN**

- Trên cơ sở kết quả hoạt động công đoàn trong nửa nhiệm kỳ qua, chỉ rõ hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân.

## **VI. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

- Bài học kinh nghiệm (nếu có).

## **PHẦN THỨ HAI**

### **Nhiệm vụ chủ yếu đến hết nhiệm kỳ Những đề xuất và kiến nghị**

1. Từ kết quả thực hiện Nghị quyết đại hội Công đoàn cấp mình trong nửa nhiệm kỳ qua, căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội Công đoàn TKV lần thứ V, Chương trình hành động số 121/CTr-CĐTKV ngày 19/3/2019 của Công đoàn TKV để nghiên cứu bổ sung nhiệm vụ, giải pháp, phân đấu hoàn thành toàn diện Nghị quyết đại hội đã đề ra.

2. Kiến nghị của cán bộ, đoàn viên công đoàn, CNVCLĐ và các cấp công đoàn đối với Đảng, Nhà nước, Tổng Liên đoàn.

*(Báo cáo cần có số liệu minh họa tại các mục đánh giá, có so sánh đối chiếu với đầu nhiệm kỳ và kết quả thực hiện tương ứng của nhiệm kỳ trước).*